TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020

V/v "tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: không tham gia

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1991
Địa chỉ: số 151 ấp A, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

2/ Bị đơn: Anh Mai Trọng N, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Chị và anh N qua quen biết đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mang Thít cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/12/2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do anh N thường hay có hành vi bạo lực đối với chị, vợ chồng chị không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh N không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N

Về con chung: có 01 con chung tên Mai Trọng K, sinh ngày 17/9/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn anh Mai Trọng N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin giải quyết vắng mặt; anh Mai Trọng N vắng mặt không lý do mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị T: Chị và anh N đều vắng mặt tại phiên tòa qua lời trình bày của chị T trong hồ sơ vụ án: Anh, Chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đở nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc gia đình*". Chị và anh N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chia sẽ công việc gia đình và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Tuy chị T không có chứng cứ chứng minh anh N có hành vi bạo lực gia đình và cũng không chứng minh được anh N có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của chị nhưng tình trạng hôn nhân của chị và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng vì anh chị không còn sống chung với nhau gần một năm nay làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Tại đơn xin vắng mặt ngày 23/6/2020 chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Mai Trọng K, sinh ngày 17/9/2016, khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét cháu K mới hơn 03 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Mặt khác, hiện nay cháu K đang sống cùng với chị T và được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử giao

con chung là cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N. Ngược lại chị T cùng các thành viên gia đình chị không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Mai Trọng N

2. Về con chung: Giao cháu Mai Trọng K, sinh ngày 17/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N. Ngược lại chị T cùng các thành viên gia đình chị không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005540 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 6 năm 2020
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
2. Ông Trần Văn Hưng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1991
Địa chỉ: số 151 ấp An Hưng, xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

2/ Bị đơn: Anh Mai Trọng N, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp Thanh Hưng, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Mai Trọng N

2. Về con chung: Giao cháu Mai Trọng K, sinh ngày 17/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N. Ngược lại chị T cùng các

thành viên gia đình chị không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005540 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diện